

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 35, NĂM 2025

Ngày kiểm tra: 25 tháng 5 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T35001	Đoàn Quốc	Bảo	29/10/2003	Sóc Trăng	380	170	550	Không đạt	
2	T35002	Ngô Hà Minh	Duy	24/10/2001	An Giang	345	400	745	Đạt	
3	T35003	Lâm Quốc	Đại	09/02/2002	Sóc Trăng	345	280	625	Đạt	
4	T35004	Phạm Gia	Huy	08/10/2004	Sóc Trăng	360	165	525	Không đạt	
5	T35005	Phạm Khánh	Hung	23/09/2003	An Giang	125	125	250	Không đạt	
6	T35006	Nguyễn Hữu	Kiên	11/05/2003	Trà Vinh	425	200	625	Không đạt	
7	T35007	Lê Trung	Kiên	28/05/2003	Cần Thơ	195	265	460	Không đạt	
8	T35008	Phạm Huỳnh Tuấn	Kiệt	06/09/2003	Long An	250	170	420	Không đạt	
9	T35009	Nguyễn Hoàng	Kha	10/01/2002	Bạc Liêu	155	185	340	Không đạt	
10	T35010	Trương Thị Thúy	Ngân	28/12/2003	Trà Vinh	380	145	525	Không đạt	
11	T35011	Nguyễn Lý Minh	Ngọc	26/04/2003	Cần Thơ	160	305	465	Không đạt	
12	T35012	Lê Đỗ Khôi	Nguyên	16/11/1999	Cần Thơ	310	355	665	Đạt	
13	T35013	Lê Văn Sông	Phối	13/02/2003	Cần Thơ	375	335	710	Đạt	
14	T35014	Nguyễn Trọng	Phúc	05/11/2002	Cần Thơ	350	445	795	Đạt	
15	T35015	Nguyễn Phong	Quang	30/03/2003	Bình Thuận	225	235	460	Đạt	
16	T35016	Lê Phú	Quý	08/12/2003	Cần Thơ	185	260	445	Không đạt	
17	T35017	Nguyễn Thanh	Tùng	11/09/2003	Cần Thơ	305	315	620	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
18	T35018	Mai Bảo	Thi	22/10/2003	Cần Thơ	345	180	525	Không đạt	
19	T35019	Huỳnh Hữu	Trí	02/03/2002	Bạc Liêu	160	175	335	Không đạt	
20	T35020	Trương Tổ	Uyên	23/04/2003	Hậu Giang	380	350	730	Đạt	
21	T35021	Phạm Tuấn	Vũ	27/03/2003	Kiên Giang	325	485	810	Đạt	
22	T35022	Đỗ Ngọc Tường	Vy	23/02/2003	Cần Thơ	150	185	335	Không đạt	
23	T35023	Lê Khả	Ái	03/03/2002	Bạc Liêu	155	300	455	Không đạt	
24	T35024	Nguyễn Hoàng	Anh	27/11/2002	Cà Mau	225	165	390	Không đạt	
25	T35025	Dương Thị Hồng	Ánh	30/09/2003	TP.Hồ Chí Minh	420	410	830	Đạt	
26	T35026	Đinh Hoàng Gia	Bảo	28/12/2003	Sóc Trăng	-	-	0	Không đạt	Vắng
27	T35027	Trần Phi	Bình	26/01/2002	Cần Thơ	305	220	525	Không đạt	
28	T35028	Nguyễn	Cơ	28/11/2002	Cần Thơ	325	225	550	Đạt	
29	T35029	Lê Thị Ái	Chân	06/01/2003	Sóc Trăng	405	150	555	Không đạt	
30	T35030	Kim Minh	Châu	30/01/2000	Trà Vinh	430	140	570	Không đạt	
31	T35031	Nguyễn Ngọc	Duyên	01/06/2003	Trà Vinh	330	465	795	Đạt	
32	T35032	Nguyễn Ngọc Yến	Đan	16/03/2003	An Giang	370	470	840	Đạt	
33	T35033	Âu Tấn	Đạt	22/12/2003	An Giang	400	420	820	Đạt	
34	T35034	Phạm Thành Quốc	Đăng	23/11/2002	Cần Thơ	410	405	815	Đạt	
35	T35035	Lê Minh	Đương	13/03/2003	Bạc Liêu	450	465	915	Đạt	
36	T35036	Cao Thị Ngân	Em	04/08/2003	Kiên Giang	500	455	955	Đạt	
37	T35037	Tạ Thị Hồng	Gấm	07/10/2002	Cà Mau	300	355	655	Đạt	
38	T35038	Nguyễn Hồ Phú	Gia	28/09/2003	Bạc Liêu	395	460	855	Đạt	
39	T35039	Lê Tiền	Giang	06/03/2002	Sóc Trăng	240	175	415	Không đạt	
40	T35040	Nguyễn Trần Trường	Giang	27/08/2003	Bình Dương	290	325	615	Đạt	
41	T35041	Nguyễn Hoàng	Hải	20/06/2003	Sóc Trăng	375	220	595	Không đạt	
42	T35042	Phan Chí	Hải	11/09/2003	Cần Thơ	220	275	495	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
43	T35043	Viên Vương Thái	Hào	08/03/2003	Cần Thơ	-	-	0	Không đạt	Vắng
44	T35044	Đinh Nguyễn	Hảo	22/05/2003	Cần Thơ	185	140	325	Không đạt	
45	T35045	Phan Công	Hậu	13/03/2002	Thanh Hóa	190	205	395	Không đạt	
46	T35046	Thạch Nguyễn Văn	Hiếu	07/12/2003	Trà Vinh	155	405	560	Không đạt	
47	T35047	Nguyễn Quốc	Huy	01/12/2004	Hậu Giang	295	400	695	Đạt	
48	T35048	Thái Quang	Huy	16/11/2003	Tiền Giang	395	185	580	Không đạt	
49	T35049	Đặng Hoàng	Huynh	09/08/2001	Bạc Liêu	420	260	680	Đạt	
50	T35050	Nguyễn Mạnh	Huỳnh	15/03/2002	An Giang	175	405	580	Không đạt	
51	T35051	Nguyễn Văn Lê	Huỳnh	06/09/2003	Đồng Tháp	395	150	545	Không đạt	
52	T35052	Trịnh Tấn	Hưng	14/11/2002	Sóc Trăng	190	155	345	Không đạt	
53	T35053	Thạch Chấn	Ký	05/03/2002	An Giang	375	385	760	Đạt	
54	T35054	Nguyễn Hoàng	Kha	24/12/2002	Cần Thơ	240	255	495	Đạt	
55	T35055	Đào Nhất	Khang	18/01/2003	Cần Thơ	395	385	780	Đạt	
56	T35056	Trần Huỳnh	Khang	22/06/2003	Đồng Tháp	390	260	650	Đạt	
57	T35057	Trần Hoàng Tuấn	Khanh	11/04/2003	Kiên Giang	230	240	470	Đạt	
58	T35058	Nguyễn Việt	Khánh	21/06/2003	Cần Thơ	410	260	670	Đạt	
59	T35059	Trần Thuý	Lam	07/02/2003	Cần Thơ	445	355	800	Đạt	
60	T35060	Dương Thị Thùy	Lanh	19/09/2003	Sóc Trăng	250	150	400	Không đạt	
61	T35061	Nguyễn Tấn	Lộc	26/03/2003	Hậu Giang	350	305	655	Đạt	
62	T35062	Trần Vũ	Luân	14/05/2003	Hậu Giang	455	280	735	Đạt	
63	T35063	Trần Quang	Luận	07/06/2002	Kiên Giang	135	170	305	Không đạt	
64	T35064	Đặng Thị Trúc	Ly	01/06/2004	An Giang	370	345	715	Đạt	
65	T35065	Nguyễn Thị Trúc	Mai	20/11/2003	Cần Thơ	400	475	875	Đạt	
66	T35066	Đặng Huỳnh Kha	Minh	22/06/2003	Bạc Liêu	420	430	850	Đạt	
67	T35067	Hồ Thanh	Ngân	06/09/2000	Cần Thơ	200	400	600	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
68	T35068	Lê Tuyết	Ngân	21/11/2003	Cần Thơ	180	140	320	Không đạt	
69	T35069	Phạm Thảo	Ngân	08/03/2004	An Giang	185	275	460	Không đạt	
70	T35070	Tổng Nguyễn Kim	Ngân	16/03/2002	Cần Thơ	200	390	590	Không đạt	
71	T35071	Nguyễn Thị Mộng	Nghi	26/09/2004	An Giang	295	435	730	Đạt	
72	T35072	Lê Hữu	Nghị	18/08/2003	Cần Thơ	170	195	365	Không đạt	
73	T35073	Lê Văn Viết	Nghĩa	05/07/2003	Bạc Liêu	240	370	610	Đạt	
74	T35074	Ngô Trọng	Nghĩa	25/10/2003	Sóc Trăng	310	245	555	Đạt	
75	T35075	Đình Công	Nguyên	26/06/2003	Sóc Trăng	195	385	580	Không đạt	
76	T35076	Lâm Yên	Nhi	23/11/2003	Sóc Trăng	305	380	685	Đạt	
77	T35077	Phan Hoàng Yên	Nhi	11/06/2003	Cần Thơ	380	390	770	Đạt	
78	T35078	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	17/11/2004	Cần Thơ	380	370	750	Đạt	
79	T35079	Lê Hồng	Nhật	23/08/2003	Cà Mau	430	465	895	Đạt	
80	T35080	Trần Văn	Phát	20/06/2000	Kiên Giang	410	460	870	Đạt	
81	T35081	Dương Hồng	Phát	10/10/2003	An Giang	375	390	765	Đạt	
82	T35082	Đoàn Thành	Phát	07/06/2003	Cần Thơ	405	405	810	Đạt	
83	T35083	Nguyễn Tấn	Phát	25/09/2002	Cần Thơ	220	335	555	Không đạt	
84	T35084	Son Ngọc	Phát	22/11/2003	Bạc Liêu	460	410	870	Đạt	
85	T35085	Trần Nhật	Phát	16/10/2003	Bạc Liêu	400	400	800	Đạt	
86	T35086	Văn Tấn	Phát	05/12/2003	Sóc Trăng	290	295	585	Đạt	
87	T35087	Dương Hoàng	Phúc	12/01/2002	Cần Thơ	290	305	595	Đạt	
88	T35088	Lê Hoàng	Phúc	11/06/2003	Đồng Tháp	300	290	590	Đạt	
89	T35089	Lê Hồng	Phúc	01/11/2003	Đồng Tháp	415	165	580	Không đạt	
90	T35090	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	27/03/2003	Đồng Tháp	230	300	530	Đạt	
91	T35091	Phan Nguyễn Hải	Son	26/09/2003	Cần Thơ	485	275	760	Đạt	
92	T35092	Võ Thành	Sử	26/10/2002	Cần Thơ	350	170	520	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
93	T35093	Bùi Hữu	Tài	15/05/2003	Vĩnh Long	380	155	535	Không đạt	
94	T35094	Đinh Nguyễn Ngọc	Tân	07/05/2002	Bến Tre	275	215	490	Không đạt	
95	T35095	Lê Nhật	Tân	12/08/2004	Cần Thơ	175	310	485	Không đạt	
96	T35096	Phạm Hữu	Tiến	16/06/2003	An Giang	245	385	630	Đạt	
97	T35097	Đỗ Hoàng Hồng	Thái	27/01/2002	Đồng Tháp	215	135	350	Không đạt	
98	T35098	Nguyễn Thanh	Thật	25/10/2003	Vĩnh Long	260	340	600	Đạt	
99	T35099	Mai Chí	Thiện	23/05/2003	Cần Thơ	260	165	425	Không đạt	
100	T35100	Nguyễn Hữu	Thịnh	26/08/2001	Cần Thơ	435	400	835	Đạt	
101	T35101	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	21/02/2004	Cần Thơ	440	375	815	Đạt	
102	T35102	Nguyễn Thanh	Thuận	21/06/2003	Cần Thơ	465	345	810	Đạt	
103	T35103	Thái Ngọc Huyền	Trân	25/10/2003	Cần Thơ	415	450	865	Đạt	
104	T35104	Trần Minh	Trí	11/06/2004	Đồng Tháp	400	360	760	Đạt	
105	T35105	Nguyễn Việt	Trung	02/02/2002	Cần Thơ	265	280	545	Đạt	
106	T35106	Dương Vĩnh	Vi	26/10/2003	Trà Vinh	430	245	675	Đạt	
107	T35107	Nguyễn Thái	Vinh	15/09/2002	Đồng Tháp	405	280	685	Đạt	
108	T35108	Trương Nhân Gia	Chương	04/10/2002	An Giang	400	230	630	Đạt	
109	T35109	Đỗ Công	Danh	26/01/2000	Cần Thơ	335	355	690	Đạt	
110	T35110	Võ Hữu	Duy	15/03/2004	Hậu Giang	300	280	580	Đạt	
111	T35111	Lâm Quốc	Hiển	23/05/2004	Kiên Giang	310	265	575	Đạt	
112	T35112	Đặng Tấn	Huy	08/09/2004	Hậu Giang	305	410	715	Đạt	
113	T35113	Nguyễn Hoàng	Huy	30/01/2003	Cần Thơ	295	300	595	Đạt	
114	T35114	Trịnh Bảo	Khang	09/04/2004	Cần Thơ	420	270	690	Đạt	
115	T35115	Nguyễn Anh	Khôi	04/09/2002	Cần Thơ	385	345	730	Đạt	
116	T35116	Nguyễn Hữu	Lộc	18/05/2002	Cần Thơ	225	290	515	Đạt	
117	T35117	Viên Gia	Lợi	08/07/2003	Kiên Giang	295	265	560	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
118	T35118	Khuru Minh	Nghĩa	23/06/2002	Cần Thơ	235	335	570	Đạt	
119	T35119	Phan Hữu	Nguyễn	11/08/2003	Cần Thơ	420	330	750	Đạt	
120	T35120	Dương Trọng	Nhân	16/02/2000	An Giang	225	210	435	Không đạt	
121	T35121	Lâm Thị Kiều	Oanh	15/11/2004	Sóc Trăng	425	400	825	Đạt	
122	T35122	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/06/2003	Vĩnh Long	360	420	780	Đạt	
123	T35123	Phùng Ngọc	Tài	08/03/2003	An Giang	350	220	570	Không đạt	
124	T35124	Phan Liên Hữu	Tình	14/04/2003	Sóc Trăng	240	-	240	Không đạt	Vắng
125	T35125	Lê Khả	Tú	14/11/2003	Cần Thơ	415	260	675	Đạt	
126	T35126	Phan Duy	Tường	10/01/2003	Kiên Giang	335	215	550	Không đạt	
127	T35127	Nguyễn Đào Cẩm	Thanh	26/07/2004	Đồng Tháp	260	245	505	Đạt	
128	T35128	Phạm Tấn	Thịnh	19/09/2003	Cần Thơ	260	300	560	Đạt	
129	T35129	Từ Thị Lệ	Thủy	21/05/2003	An Giang	325	325	650	Đạt	
130	T35130	Cao Hoài	Thương	27/10/2003	Cà Mau	225	-	225	Không đạt	Vắng
131	T35131	Trần Trường	Vinh	12/12/2004	Cà Mau	110	340	450	Không đạt	
132	T35132	Võ Như	Ý	25/08/2003	Bạc Liêu	320	345	665	Đạt	
133	T35133	Nguyễn Hoàng	Oanh	26/04/2003	Cần Thơ	225	295	520	Đạt	

Danh sách 133 thí sinh

Đạt 81 thí sinh

Không đạt 52 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã